

Bản án số: 154/2019/HS-ST
Ngày: 25 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Bình An.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ghên;

Bà Trần Thị Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 153/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 154/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1985, tại L; Nơi cư trú: Ấp V, xã M, huyện Đ, tỉnh L; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị H (chết); bị cáo chưa có vợ con; Tiền sự: Không;

Tiền án: có 01 tiền án: Tại bản án số 73/2015/HSST ngày 11/12/2015 của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, xử phạt Nguyễn Văn L 06 tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”. L chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/3/2016 nhưng chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung 10.000.000 đồng.

Bị tạm giữ tạm giam từ ngày 08 tháng 8 năm 2019 cho đến nay, bị cáo có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Vi Văn T, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Làng T, xã T, Tương D, tỉnh N.

+ Anh Chị Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh T.

+ Anh Lê Thanh K, sinh năm 2000 (vắng mặt).

+ Ông Lê Thanh T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh B.

+ Anh Nguyễn Anh Q, sinh năm 1995 (vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Quân Q, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, Cương G, Nghi X, Hà T

+ Anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường T, thị xã A, tỉnh G

+ Anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: 36B Lý Văn L, phường 1, thành phố C, tỉnh C

+ Anh Đình Văn L, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ.

+ Bà Đậu Khánh P, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Rừng D, xã T, huyện Đ, tỉnh L.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Đặng Quang T (vắng mặt), Trần Quốc T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L quen biết và nhận vận chuyển xe mô tô do người khác phạm tội mà có cho người có tên Th và T không rõ nhân thân, lai lịch. Tháng 6/2019, L thuê phòng trọ số 10B nhà trọ biển hiệu P thuộc ấp R, xã T, huyện Đ, tỉnh L và tiếp tục nhận vận chuyển xe mô tô do người khác phạm tội mà có cho Th, T. L đã vận chuyển xe mô tô do người khác phạm tội mà có cho Th, T trót lọt hai lần, thu lợi bất chính 1.000.000 đồng.

Do L có quen biết với một người đàn ông không rõ họ, tên, địa chỉ, ở thành phố H có bán xe mô tô do người khác phạm tội mà có nên L thỏa thuận với Th, T khi mua được xe sẽ bán lại cho Th, T để thu lợi tiêu xài thì Th và T đồng ý. Sau đó, L thuê người có tên H không rõ nhân thân, lai lịch, vận chuyển xe mô tô do người khác phạm tội mà có cho L từ thành phố H về phòng trọ số 10B nêu trên với tiền công một xe là 700.000 đồng và thuê Đình Văn L chở H đi nhận xe với tiền công là 400.000 đồng một chuyến. Đồng thời, L thuê người có tên G không rõ nhân thân, lai lịch vận chuyển xe mô tô do người khác phạm tội mà có cho L từ phòng trọ số 10B về huyện Đ, tỉnh L để giao cho Th và T với tiền công 300.000 đồng một xe. Khoảng 15 giờ ngày 07/8/2019, có một người đàn ông không rõ họ, tên, địa chỉ, ở thành phố H gọi điện thoại cho L kêu bán 01 xe mô tô biển số 94F1-242.XX do phạm tội mà có với giá 14.000.000 đồng, L đồng ý mua. L đưa tiền cho H và kêu L chở H đi nhận xe. Khoảng 18 giờ cùng ngày, H mua và điều khiển xe mô tô biển số: 94F1-242.XX từ thành phố H về để ở phòng trọ số 10B. Lúc này, Th và T gọi điện thoại cho L và giao 04 xe mô tô do phạm tội mà có để L vận chuyển về huyện Đ, tỉnh L tiêu thụ, L đồng ý. Kết quả điều tra không xác định được số điện thoại của Th và T do L không nhớ số

điện thoại và đã xóa nhật ký cuộc gọi trong điện thoại của L. Khoảng 19 giờ cùng ngày, một người đàn ông không rõ họ, tên, địa chỉ điều khiển xe mô tô biển số: 81G1-113.XX đến phòng trọ số 10B giao cho L. Khoảng 22 giờ cùng ngày, người có tên H không rõ nhân thân, lái lịch điều khiển xe mô tô biển số: 70B1-849.XX đến phòng trọ số 10B giao cho L. Khoảng 03 giờ ngày 08/8/2019, H tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số: 37D1-108.XX cùng với người có tên T không rõ nhân thân, lái lịch điều khiển xe mô tô biển số: 69B1-226.87 đến phòng trọ số 10B giao cho L. Đến khoảng 08 giờ ngày 08/8/2019, L chuẩn bị đem các xe mô tô trên đi tiêu thụ thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang tạm giữ người và các xe mô tô nêu trên để điều tra xử lý. Quá trình làm việc với Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Qua điều tra xác định: Xe mô tô biển số: 94F1-242.XX là tài sản hợp pháp của anh Lê Thanh K, bị mất trộm vào ngày 07/8/2019 tại khu phố Bình T2, phường T, thị xã T, tỉnh B. Xe mô tô biển số: 81G1-113.XX là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Việt T, bị mất trộm vào ngày 07/8/2019 tại nhà trọ số 61A T, Phường 2, quận T, Thành phố H. Xe mô tô biển số: 70B1-849.XX là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Thanh L, bị mất trộm vào ngày 07/8/2019 tại khu công nghiệp T, xã A, huyện T, tỉnh T. Xe mô tô biển số: 37D1-108.XX là tài sản hợp pháp của anh Vi Văn T, bị mất trộm vào ngày 07/8/2019 tại khu phố Đồng A 3, phường B, thị xã T, tỉnh B. Xe mô tô biển số: 69B1-226.XX, có số khung: RLC4G0610FY161530, số máy: G3D4E174438, có biển số thật là: 38P1-384.XX (biển số 69B1-226.XX là biển số giả) là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Anh Q, bị mất trộm vào ngày 07/8/2019 tại khu phố Bình T2, phường T, thị xã T, tỉnh B.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 78/KL.DGTS ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An kết luận: Xe mô tô biển số: 94F1-242.XX có giá trị 38.392.000 đồng; xe mô tô biển số: 81G1-113.XX có giá trị 11.694.000 đồng; xe mô tô biển số: 70B1-849.XX có giá trị: 46.540.500 đồng; xe mô tô biển số: 37D1-108.XX có giá trị 37.592.000 đồng; xe mô tô biển số: 69B1-226.XX (biển số giả) có giá trị 28.194.000 đồng, tổng giá trị các xe trên là: 162.412.500 đồng.

Tại bản cáo trạng số 153/CT-VKSDH ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hoà, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên sau khi phân tích tính chất và mức độ nguy hiểm xã hội của hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo Nguyễn Văn L gây ra; đồng thời căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L mức hình phạt từ 04 năm đến 05 năm tù.

Đề nghị áp dụng Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Về tang vật chứng: Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả xong cho chủ sở hữu hợp pháp các vật chứng sau: Anh Lê Thanh K 01 xe mô tô biển số 94F1-242.XX, anh Vi Văn T 01 xe mô tô biển số 37D1-108.XX, anh Nguyễn Anh Q 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, số máy: G3D4E174438, số khung: RLC4G0610FY161530 theo biên bản trả tài sản cùng ngày 15/8/2019; trả cho chị Nguyễn Thị Thanh L 01 xe mô tô biển số 70B1-849.XX theo biên bản trả tài sản ngày 16/8/2019; đối với xe mô tô biển số 81G1-113.XX Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bàn giao cho Cơ quan điều tra Công an quận T, thành phố H để xử lý trong vụ án “Trộm cắp tài sản” xảy ra tại quận B, thành phố H, sau đó Cơ quan điều tra Công an quận T đã tiến hành trao trả xe này cho anh Nguyễn Việt T nên đề nghị không đề cập, xem xét.

- Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh K, anh Nguyễn Việt T, chị Nguyễn Thị Thanh L, anh Vi Văn T, anh Nguyễn Anh Q sau khi nhận lại tài sản xong, không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng, đây là tiền thu lợi bất chính, buộc bị cáo nộp lại sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen đây là tài sản của bị cáo dùng vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

Đối với số tiền là 7.050.000 đồng, thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn L, đây là tiền của bị cáo nên đề nghị hoàn lại cho bị cáo.

Đối với các sim số: 09635749XX; sim số: 09831925XX sim số: 09745210XX biển số xe mô tô: 69B1-226.XX (biển số giả) đây là tang vật của vụ án nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với Đinh Văn L có hành vi chở H đi nhận xe mô tô biển số: 94F1-242.XX nhưng xét về ý thức chủ quan của L không biết xe mô tô này có nguồn gốc do phạm tội mà có nên hành vi của L không cấu thành tội phạm, nên đề nghị không xem xét.

Đối với người tên Th, T có hành vi thuê L vận chuyển xe mô tô có nguồn gốc do phạm tội mà có và người có tên H, G có hành vi vận chuyển xe mô tô có nguồn gốc do phạm tội mà có thuê cho L. Do chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo L và không xác định được nhân thân, lai lịch của các người này nên Cơ quan điều tra ra quyết định tách hành vi của Th, T, H, G ra thành vụ án khác để tiếp tục điều tra xử lý sau theo Quyết định tách vụ án hình sự số 13 ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan trình bày: Các anh, chị gồm Lê Thanh K, Nguyễn Việt T, Nguyễn Thị Thanh L, Vi Văn T, Nguyễn Anh Q cho

rằng trong quá trình sử dụng xe mô tô bị mất trộm, nay công an đã thu hồi và trao trả cho các anh, chị xong. Các anh chị không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quân Q: Ông là cha ruột của anh Nguyễn Anh Q, ông có đứng tên giấy đăng ký xe mô tô biển số 38P1-384.XX, ông có giao cho anh Q sử dụng bị mất trộm, hiện nay anh Q đã nhận xe lại xong, ông không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh T: Ông là cha ruột của anh Lê Thanh K, ông có đứng tên giấy đăng ký xe mô tô biển số 94F1-242.XX, ông có giao cho anh K sử dụng bị mất trộm, hiện nay anh K đã nhận lại xe xong, ông không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn L hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn L trước Tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 08 tháng 8 năm 2019, Bản kết luận định giá tài sản số 78/KL.ĐGTS ngày 14/8/2019 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với nội dung bản cáo trạng.

Thấy rằng, dù biết rõ nguồn gốc tài sản là do người khác phạm tội mà có nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào ngày 07/8/2019, bị cáo Nguyễn Văn L mua của một người đàn ông, không rõ họ, tên, địa chỉ ở thành phố H 01 xe mô tô biển số 94F1-242.XX có nguồn gốc do phạm tội mà có với giá 14.000.000 đồng. Sau đó, người có tên Th và T không rõ nhân thân, lai lịch giao cho bị cáo L 04 xe mô tô có biển số 81G1-113.XX; 70B1-849.XX; 37D1-108.XX; 69B1-226.XX có nguồn gốc do phạm tội mà có để bị cáo L cất giấu tại

phòng trọ số 10B và vận chuyển về huyện Đ, tỉnh L tiêu thụ. Đến khoảng 08 giờ ngày 08/8/2019, khi bị cáo L chuẩn bị đem các xe mô tô nêu trên đi tiêu thụ thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang tạm giữ người và vật chứng để xử lý. Bị cáo Nguyễn Văn L thu lợi bất chính được 1.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo L đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Xét thấy, ngày 11/12/2015, bị cáo L bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B xử phạt 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” bị cáo L chấp hành xong hình phạt tù ngày 03 tháng 3 năm 2016 nhưng chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung số tiền 10.000.000đ, bị cáo chưa được xóa án tích, nay bị cáo lại tiếp tục thực hành vi phạm tội với lỗi cố ý; do đó, căn cứ điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm”.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Nguyễn Văn L với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo Nguyễn Văn L gây ra là nguy hiểm. Bị cáo biết rõ đây là tài sản do phạm tội mà có nhưng bị cáo vẫn nhận vận chuyển để tiêu thụ được tài sản. Hành vi này đã xâm phạm đến khách thể là trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến công tác bảo vệ pháp luật và phòng chống tội phạm của Nhà nước, là tiếp tay, thúc đẩy cho hoạt động tội phạm. Khi thực hiện hành vi, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của bị cáo là ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng nhưng bị cáo vẫn bất chấp thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp; bị cáo từng có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng vẫn không biết sửa đổi mà tiếp tục phạm tội mới; do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng và cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên khi áp dụng hình phạt cho bị cáo có xem xét giảm nhẹ một phần.

Từ phân tích [3] và [4], xét theo lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn L là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tang vật chứng:

Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả xong cho chủ sở hữu hợp pháp các vật chứng sau: Anh Lê Thanh K 01 xe mô tô biển số 94F1-242.XX, anh Vi Văn T 01 xe mô tô biển số 37D1-108.XX, anh Nguyễn Anh Q 01 xe mô tô nhãn hiệu

Yamaha, loại Exciter, số máy: G3D4E174438, số khung: RLC4G0610FY161530 theo biên bản trả tài sản cùng ngày 15/8/2019; trả cho chị Nguyễn Thị Thanh L 01 xe mô tô biển số 70B1-849.XX theo biên bản trả tài sản ngày 16/8/2019; đối với xe mô tô biển số 81G1-113.XX Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An bàn giao cho Cơ quan điều tra Công an quận T, thành phố H để xử lý trong vụ án “Trộm cắp tài sản” xảy ra tại quận T, thành phố H, sau đó Cơ quan điều tra Công an quận Tân Bình đã tiến hành trao trả xe này cho anh Nguyễn Việt T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Thanh K, anh Nguyễn Việt T, chị Nguyễn Thị Thanh L, anh Vi Văn T, anh Nguyễn Anh Q sau khi nhận lại tài sản xong, không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng, đây là tiền thu lợi bất chính, buộc bị cáo nộp lại sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen đây là tài sản của bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 7.050.000 đồng, thu giữ của Nguyễn Văn L đây là tiền của bị cáo nên xem xét hoàn lại cho bị cáo là phù hợp. Đồng thời tại phiên tòa bị cáo đồng ý khấu trừ vào tiền thu lợi bất chính là 1.000.000đ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với các sim số: 09635749XX; sim số: 09831925XX sim số: 09745210XX biển số xe mô tô: 69B1-226.XX (biển số giả) đây là tang vật của vụ án nên tịch thu tiêu hủy.

[7]. Đối với Đinh Văn L có hành vi chở H đi nhận xe mô tô biển số: 94F1-242.XX, nhưng xét về ý thức chủ quan của L không biết xe mô tô này có nguồn gốc do phạm tội mà có nên hành vi của L không cấu thành tội phạm, nên không xem xét.

[8]. Đối với người tên Th, T có hành vi thuê L vận chuyển xe mô tô có nguồn gốc do phạm tội mà có và người có tên H, G có hành vi vận chuyển xe mô tô có nguồn gốc do phạm tội mà có thuê cho L. Do chỉ có lời khai duy nhất của bị cáo L và không xác định được nhân thân, lai lịch của các người này nên Cơ quan điều tra ra quyết định tách hành vi của Th, T, H, G ra thành vụ án khác để tiếp tục điều tra xử lý sau theo Quyết định tách vụ án hình sự số 13 ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Cơ quan điều tra Công an huyện Đức Hòa, tỉnh Long An là phù hợp.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/8/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn L 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/11/2019) để đảm bảo cho việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

- Về tang vật chứng: Căn cứ vào Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L nộp lại số tiền 1.000.000 đồng, sung vào ngân sách nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền 7.050.000đ theo biên lai thu số 0001984 ngày 6/11/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Đức Hòa, như vậy hoàn lại cho bị cáo L số tiền 6.050.000đ.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước các tài sản sau: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A10; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu đen;

Tịch thu tiêu hủy các sim số: 09635749XX; sim số: 09831925XX sim số: 09745210XX biển số xe mô tô: 69B1-226.XX (biển số giả).

Tang vật trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 24-06/11/2019 ngày 06 tháng 11 năm 2019.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Án này là sơ thẩm, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục THA dân sự huyện Đức Hòa;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Bình An

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ghên – Nguyễn Thị Rạt

Trần Thị Kim Thanh

